



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI AN HẢI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi An Hải (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### **CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Chủ tịch Công ty**

Ông Trần Quang Hoạt

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Quang Hoạt	Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Lương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phan Hiền	Kiểm soát viên

Kế toán trưởng Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Phùng Thị Chinh.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC-Chi nhánh Hà Nội.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. *Chữ*

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trần Quang Hoạt**  
**Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2018



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIME GLOBAL

Số: *01* /2018/AACHN-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Chủ tịch và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi An Hải

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi An Hải (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 01/03/2018, từ trang 06 đến trang 28 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2017. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu của các khoản mục này trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 của Công ty.

#### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, Tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân,

P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: 04.3224 2403 / 04.6666 6369

Email: aac.hn@aac.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Đến thời điểm lập Báo cáo này, một số khoản công nợ của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận số dư đầy đủ với các đối tác tại ngày 31/12/2017, chi tiết tỷ lệ các khoản công nợ đã được đối chiếu xác nhận như sau: Trả trước cho người bán đạt 48,7%, Phải trả người bán đạt 66,2%, Người mua trả tiền trước đạt 0%, Phải thu khách hàng đạt 26,76%. Các thủ tục kiểm toán thay thế không mang lại cho chúng tôi đầy đủ các bằng chứng kiểm toán cần thiết để đưa ra ý kiến nhận xét về tính hiện hữu và đầy đủ của số dư các khoản công nợ chưa được đối chiếu, xác nhận.

Công ty hiện đang theo dõi và hạch toán tăng khoản mục "Vốn chủ sở hữu" do ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là các Công trình thủy lợi được nâng cấp và cải tạo từ nguồn bán nước thô trong năm. Những tài sản này thuộc nhóm tài sản cố định không phải tính chi phí khấu hao theo quy định. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện việc theo dõi và ghi nhận giá trị hao mòn của các tài sản cố định này.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3.9 - phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Việc ghi nhận giá vốn hoạt động xây lắp đang được Công ty xác định căn cứ theo tỷ lệ khối lượng công việc hoàn thành của công trình đã nghiệm thu trong năm do Công ty đánh giá. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở đánh giá tính hợp lý của giá vốn đã được ghi nhận nói trên cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

### Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi An Hải tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Hà Minh Long

Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 1221-2018-010-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC-CHI NHÁNH HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Mai Bình Thanh

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN kiểm toán số 2068-2018-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31/12/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>151.289.427.034</b>	<b>68.857.277.125</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>29.704.116.343</b>	<b>12.526.503.634</b>
1. Tiền	111		4.366.730.018	12.526.503.634
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.337.386.325	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>65.000.000.000</b>	<b>-</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		65.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>43.676.057.900</b>	<b>41.558.102.440</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	41.181.448.198	27.740.687.641
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.263.299.346	6.644.533.359
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		(954.902.391)	(954.902.391)
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.715.074.747	8.656.645.831
7. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137		(528.862.000)	(528.862.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>11.243.345.616</b>	<b>13.437.647.943</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	11.243.345.616	13.437.647.943
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.665.907.175</b>	<b>1.335.023.108</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.330.637.521	744.807.442
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		335.269.654	590.215.666
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>320.590.787.316</b>	<b>291.913.921.440</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>310.468.387.135</b>	<b>285.952.930.367</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	302.926.627.135	278.411.170.367
- Nguyên giá	222		327.596.062.800	299.507.945.501
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.669.435.665)	(21.096.775.134)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	7.541.760.000	7.541.760.000
- Nguyên giá	228		7.541.760.000	7.541.760.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.000.800.181</b>	<b>339.190.026</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	5.000.800.181	339.190.026
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.240.000.000</b>	<b>4.240.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	13	4.240.000.000	4.240.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>881.600.000</b>	<b>1.381.801.047</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	881.600.000	1.381.801.047
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>471.880.214.350</b>	<b>360.771.198.565</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
 Tại ngày 31/12/2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>48.011.513.338</b>	<b>60.762.688.290</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>48.011.513.338</b>	<b>60.762.688.290</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	28.585.786.025	26.014.872.261
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.927.300.000	7.913.143.657
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	100.289.473	212.702.800
4. Phải trả người lao động	314		1.257.022.931	1.495.627.762
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	10.708.993.838	12.086.087.932
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	317		1.077.559.091	1.818.181.817
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	2.233.846.727	7.350.815.708
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.120.715.253	3.871.256.353
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>423.868.701.012</b>	<b>300.008.510.275</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>423.868.701.012</b>	<b>296.617.810.275</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		418.464.661.752	295.491.944.453
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		805.442.202	805.442.202
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.565.145.722	320.423.620
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.565.145.722	320.423.620
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		1.033.451.336	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>3.390.700.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	3.390.700.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>471.880.214.350</b>	<b>360.771.198.565</b>



Trần Quang Hoạt  
 Giám đốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2018

Phùng Thị Chinh  
 Kế toán trưởng

Phùng Thị Chinh  
 Người lập



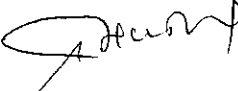
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết		Năm 2017	Năm 2016
	số	minh	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	148.632.035.156	121.269.764.022
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	-	2.137.273
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	20	148.632.035.156	121.267.626.749
4. Giá vốn hàng bán	11	21	146.051.969.989	115.534.242.376
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.580.065.167	5.733.384.373
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	3.306.301.285	1.132.534.894
7. Chi phí tài chính	22	23	203.474.400	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		203.474.400	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.756.441.586	2.833.107.110
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.926.450.466	4.032.812.157
11. Thu nhập khác	31	24	32.727.272	91.264.470
12. Chi phí khác	32	25	137.129.798	177.831.061
13. Lợi nhuận khác	40		(104.402.526)	(86.566.591)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.822.047.940	3.946.245.566
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	577.325.838	178.915.616
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.244.722.102	3.767.329.950



**Trần Quang Hoạt**  
Giám đốc

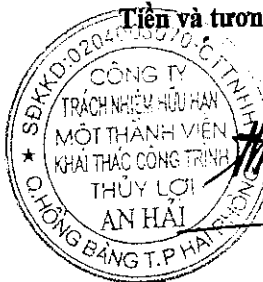
Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2018

  
**Phùng Thị Chinh**  
Kế toán trưởng

**Phùng Thị Chinh**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		139.235.069.928	122.616.468.622
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(133.383.383.022)	(105.455.299.064)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(24.761.641.900)	(17.714.897.800)
Tiền lãi vay đã trả	4		(203.474.400)	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(726.202.896)	(215.504.236)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		14.745.415.418	21.710.849.430
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(9.295.460.592)	(24.297.741.606)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(14.389.677.464)</b>	<b>(3.356.124.654)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(115.400.000)	(3.416.092.374)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(75.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.682.690.173	1.132.534.894
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(63.432.709.827)</b>	<b>(2.283.557.480)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31		95.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		3.770.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.770.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>95.000.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>17.177.612.709</b>	<b>(5.639.682.134)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>12.526.503.634</b>	<b>18.166.185.768</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>29.704.116.343</b>	<b>12.526.503.634</b>



**Trần Quang Hoạt**  
 Giám đốc  
 Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2018

**Phùng Thị Chính**  
 Kế toán trưởng

**Phùng Thị Chính**  
 Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty TNHH Một thành viên Khai thác Công trình thủy lợi An Hải (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Khai thác Công trình thủy lợi An Hải theo Quyết định số 1482/QĐ-UBND ngày 04/08/2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0204003070, đăng ký lần đầu ngày 18/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 781 Đại lộ Tôn Đức Thắng, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 58.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ đồng chẵn).

**1.2. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2017 của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận hành hệ thống tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp;
- Cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: nạo vét sông ngòi, đắp đê làm kè; sửa chữa các công trình kỹ thuật công nghiệp, giao thông, thủy lợi, tiêu thoát nước;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước và lắp đặt xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật công nghiệp, giao thông, thủy lợi, tiêu thoát nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ nông nghiệp;
- Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn gạch xây, đá, cát, sỏi;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: thiết kế công trình thủy lợi, thiết kế kết cấu các công trình xây dựng dân dụng;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: tư vấn các phương pháp tưới tiêu khoa học; tư vấn đấu thầu xây lắp công trình thủy lợi;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Gia công cơ khí;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là vận hành hệ thống tưới tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho dân sinh và các ngành kinh tế khác, xây dựng các công trình trong hệ thống.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được trình bày theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở điều kiện và địa điểm hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cũng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chủ yếu là các công trình sửa chữa, nạo vét kênh mương dở dang chưa được nghiệm thu quyết toán hoàn thành. Các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này được tập hợp trên cơ sở các chi phí trực tiếp tại các công trình

**3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

**3.6 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước là khoản chi phí cho các đội thi công các công trình thủy lợi và giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ.

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; đồng thời đơn vị có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa, dịch vụ, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phân công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm doanh thu từ hoạt động bán nước thô, doanh thu từ hoạt động sửa chữa, tu bổ, nạo vét kênh mương... phục vụ mục đích thủy lợi được cấp từ nguồn Ngân sách. Doanh thu bán nước thô đang ghi nhận vào doanh thu thủy lợi phí trong năm.

Doanh thu từ hoạt động xây dựng, nạo vét kênh mương theo đơn đặt hàng của các chủ đầu tư, được ghi nhận dựa trên Biên bản xác nhận khối lượng công việc hoàn thành, nghiệm thu công trình hoàn thành và đã được các ban ngành có thẩm quyền của thành phố Hải Phòng phê duyệt.

Một số công trình xây dựng cơ bản có vốn từ Ngân sách cấp được Công ty ghi nhận doanh thu dựa trên Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, tiền thực nhận và hóa đơn GTGT đã phát hành cho Chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)**

Việc ghi nhận giá vốn hoạt động xây lắp đang được Công ty xác định căn cứ theo tỷ lệ khối lượng công việc hoàn thành của công trình đã nghiệm thu trong năm.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

Các khoản tổn thất hoặc chi phí sản xuất kinh doanh dở dang không có khả năng thu hồi trong tương lai được xem xét ghi nhận vào giá vốn hàng bán của kỳ phát sinh nghiệp vụ.

Giá vốn hàng hóa và dịch vụ khác được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh và theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu thực hiện trong năm tài chính.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**3.9 THUẾ**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ;

Thuế suất thuế GTGT đầu ra đối với các hoạt động đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp và bán nước thô của Công ty là 5%; đối với các hoạt động khác là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế là 20%. Trong năm, Công ty có thu nhập phát sinh từ dịch vụ tưới, tiêu nước, nạo vét kênh, mương nội đồng là khoản thu nhập không chịu thuế.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Thuế tài nguyên:

Thuế suất thuế tài nguyên áp dụng cho hoạt động bán nước thô là 1% nhân (x) với Tổng doanh thu hoạt động bán nước thô.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	357.033.902	112.510.866
Tiền gửi ngân hàng	4.009.696.116	12.413.992.768
Các khoản tương đương tiền	25.337.386.325	-
<b>Cộng</b>	<b>29.704.116.343</b>	<b>12.526.503.634</b>

**5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>41.181.448.198</b>	<b>27.740.687.641</b>
- Liên doanh Penta toa	10.784.212.617	14.891.728.865
- Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng	4.900.360.815	7.714.549.080
- Công ty Toa Corporation	17.455.615.200	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	8.041.259.566	5.134.409.696
<b>Cộng</b>	<b>41.181.448.198</b>	<b>27.740.687.641</b>

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.000.000.000	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	65.000.000.000	-	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**7. NỢ XẤU**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi</b>	<b>528.862.000</b>	<b>-</b>	<b>528.862.000</b>	<b>-</b>
Phòng Nông nghiệp huyện An Dương	60.797.000	-	60.797.000	-
UBND xã An Hòa (Kênh Nguyễn Văn Bé)	343.551.000	-	343.551.000	-
UBND xã Đại Bản	52.290.000	-	52.290.000	-
UBND xã Hồng Phong	12.400.000	-	12.400.000	-
UBND xã Hồng Thái	24.696.000	-	24.696.000	-
UBND xã Lê Lợi	2.940.000	-	2.940.000	-
UBND xã An Hòa	32.188.000	-	32.188.000	-
<b>Cộng</b>	<b>528.862.000</b>	<b>-</b>	<b>528.862.000</b>	<b>-</b>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.715.074.747</b>	<b>-</b>	<b>8.656.645.831</b>	<b>-</b>
- Phải thu tiền tạm ứng	10.500.000	-	94.000.000	-
- Thu bảo hiểm tự nguyện	-	-	5.718.374	-
- Tạm ứng kinh phí cho Phòng Nông nghiệp Huyện An Dương	30.000.000	-	-	-
- Phải thu về kí cược, kí quỹ ngắn hạn	-	-	8.556.927.457	-
- Thuế thu nhập cá nhân	50.963.635	-	-	-
- Lãi dự thu	1.623.611.112	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.715.074.747</b>	<b>-</b>	<b>8.656.645.831</b>	<b>-</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	236.886.275	-	385.339.302	-
Công cụ, dụng cụ	66.686.500	-	58.014.500	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.939.772.841	-	12.990.889.941	-
Thành phẩm	-	-	3.404.200	-
<b>Cộng</b>	<b>11.243.345.616</b>	<b>-</b>	<b>13.437.647.943</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
01/01/2017	285.411.303.165	7.937.803.362	5.703.398.065	435.440.909	20.000.000	299.507.945.501
- Mua trong năm	-	68.500.000	-	46.900.000	-	115.400.000
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	28.577.628.217	121.881.182	-	-	-	28.699.509.399
- Giảm khác	(726.792.100)	-	-	-	-	(726.792.100)
31/12/2017	313.262.139.282	8.128.184.544	5.703.398.065	482.340.909	20.000.000	327.596.062.800
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
01/01/2017	13.273.916.132	5.191.495.332	2.471.732.909	139.630.761	20.000.000	21.096.775.134
- Khấu hao trong năm	2.011.880.491	848.082.589	657.755.814	54.941.637	-	3.572.660.531
31/12/2017	15.285.796.623	6.039.577.921	3.129.488.723	194.572.398	20.000.000	24.669.435.665
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
01/01/2017	272.137.387.033	2.746.308.030	3.231.665.156	295.810.148	-	278.411.170.367
31/12/2017	297.976.342.659	2.088.606.623	2.573.909.342	287.768.511	-	302.976.627.135

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 4.757.783.970 (Không bao gồm các tài sản cố định không tính khấu hao).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất không thời hạn tại lô đất Công ty đang đặt trụ sở. Hồ sơ tài sản bao gồm Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 26/11/2009 của UBND Thành phố về việc xử lý giao quyền sử dụng đất cho Công ty khai thác Công trình thủy lợi An hải; Trích lục Bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 ngày 07/10/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 2141/BB-STC ngày 08/12/2009 của Sở Tài chính TP Hải Phòng. Diện tích đất được giao không thu tiền sử dụng là 1.271,7 m<sup>2</sup>, nguyên giá quyền sử dụng đất được xác định là 7.541.760.000 đồng. Quyền sử dụng đất này không phải trích khấu hao.

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	5.000.800.181	5.000.800.181	339.190.026	339.190.026
- Dự án kiên cố kênh	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
- Chi Ban quản lý dự án	800.181	800.181	15.242.256	15.242.256
- Công trình Lạch Huyện G10	-	-	323.947.770	323.947.770
<b>Cộng</b>	<b>5.000.800.181</b>	<b>5.000.800.181</b>	<b>339.190.026</b>	<b>339.190.026</b>

**13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Khoản đầu tư dài hạn khác với tổng số tiền là 4.240.000.000 đồng là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Vật Cách Hải Phòng theo Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 09/02/2009 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt nhà đầu tư chiến lược Xí nghiệp Sản xuất nước Vật Cách thuộc Công ty TNHH MTV Cấp nước Hải Phòng. Số cổ phần được mua là 200.000 cổ phần với trị giá 2.120.000.000 đồng chiếm 10% vốn điều lệ của Công ty CP Cấp nước Vật Cách Hải Phòng. Khi Công ty Cổ phần Cấp nước Vật Cách Hải Phòng tăng vốn điều lệ, Công ty mua thêm 200.000 cổ phần với trị giá 2.120.000.000 đồng để đảm bảo tỷ lệ vốn nắm giữ trong vốn điều lệ không thay đổi.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dài hạn	881.600.000	1.381.801.047
- Phân bổ chi phí công trình G10 Lạch Huyện	857.420.000	1.244.020.000
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	24.180.000	65.232.500
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	72.548.547
<b>Cộng</b>	<b>881.600.000</b>	<b>1.381.801.047</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>28.585.786.025</b>	<b>28.585.786.025</b>	<b>26.014.872.261</b>	<b>26.014.872.261</b>
- Công ty TNHH Phúc Thành	3.352.234.899	3.352.234.899	7.296.248.854	7.296.248.854
- Công ty TNHH Quốc tế Hùng Đức Anh	3.413.367.556	3.413.367.556	3.582.857.522	3.582.857.522
- Công ty TNHH Hưng Long Khánh	12.961.696.985	12.961.696.985	10.611.675.575	10.611.675.575
- Các đối tượng khác	8.858.486.585	8.858.486.585	4.524.090.310	4.524.090.310
<b>Cộng</b>	<b>28.585.786.025</b>	<b>28.585.786.025</b>	<b>26.014.872.261</b>	<b>26.014.872.261</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	198.202.896	577.325.838	726.202.896	49.325.838
- Thuế thu nhập cá nhân	-	50.963.635	-	50.963.635
- Thuế tài nguyên	14.499.904	517.457.646	531.957.550	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>212.702.800</b>	<b>1.148.747.119</b>	<b>1.261.160.446</b>	<b>100.289.473</b>
	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	565.576.133	684.313.794	361.735.036	242.997.375
- Thuế thu nhập cá nhân	24.639.533	97.672.914	73.033.381	-
- Thuế tài nguyên	-	-	92.272.279	92.272.279
	<b>590.215.666</b>	<b>781.986.708</b>	<b>434.768.417</b>	<b>335.269.654</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.708.993.838</b>	<b>12.086.087.932</b>
- Trích trước Chi phí nâng cấp cống Song Mai	-	6.100.000.000
- Trích trước chi phí nạo vét, đắp bờ kênh Tân Hưng Hồng	-	808.181.818
- Trích trước chi phí nạo vét, đắp bờ kênh An Kim Hải	-	716.954.000
- Trích trước chi phí công trình cống vào trạm bơm Hồng Tuấn	-	440.631.933
- Trích trước chi phí công trình cống vào trạm bơm Quốc Tuấn	-	461.455.636
- Trích trước chi phí công trình cống nhánh Kiều Thượng	-	463.613.636
- Trích trước chi phí sửa chữa khác từ nguồn đất lúa 2016	-	792.400.000
- Trích trước Chi phí công trình Đắp bờ kè mái bờ sông Rế	-	2.302.850.909
- Trích trước Chi phí công trình Quán Vĩnh	7.000.000.000	-
- Trích trước Chi phí các công trình khác	3.708.993.838	-
<b>Cộng</b>	<b>10.708.993.838</b>	<b>12.086.087.932</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.233.846.727</b>	<b>7.350.815.708</b>
- Bảo hành công trình	451.000.000	451.000.000
- Đặt cọc công trình	65.000.000	125.000.000
- Kinh phí miễn giảm thủy lợi phí	88.795.000	418.021.000
- Phải trả khác công trình Kênh Hòa Phong 3	299.108.727	299.108.727
- Phải trả tiền nhân công thuê ngoài và khác	1.329.943.000	2.410.402.000
- Phải trả tiền máy thi công	-	3.510.304.512
- Phải trả khác	-	136.979.469
<b>Cộng</b>	<b>2.233.846.727</b>	<b>7.350.815.708</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Quý đầu tư	Nguồn vốn	Lợi nhuận	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	phát triển	đầu tư XD CB	sau thuế	
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2016</b>	<b>271.063.673.543</b>	<b>805.442.202</b>	<b>948.490.652</b>	-	<b>272.817.606.397</b>
- Tăng vốn trong năm trước	24.428.270.910	-	-	-	24.428.270.910
- Lãi trong năm	-	-	-	4.218.565.935	4.218.565.935
- Giảm trong năm	-	-	(948.490.652)	(3.898.142.315)	(4.846.632.967)
<b>31/12/2016</b>	<b>295.491.944.453</b>	<b>805.442.202</b>	-	<b>320.423.620</b>	<b>296.617.810.275</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>295.491.944.453</b>	<b>805.442.202</b>	-	<b>320.423.620</b>	<b>296.617.810.275</b>
- Tăng vốn trong năm nay (*)	123.699.509.399	-	-	-	123.699.509.399
- Lãi trong năm	-	-	-	3.244.722.102	3.244.722.102
- Tăng trong năm	-	-	1.033.451.336	-	1.033.451.336
- Giảm trong năm	(726.792.100)	-	-	-	(726.792.100)
<b>31/12/2017</b>	<b>418.464.661.752</b>	<b>805.442.202</b>	<b>1.033.451.336</b>	<b>3.565.145.722</b>	<b>423.868.701.012</b>

(\*) Tăng Vốn chủ sở hữu do ghi nhận từ tăng tài sản cố định hữu hình được đầu tư từ nguồn bán nước thô và nguồn Ngân sách Nhà nước cấp bổ sung trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>148.632.035.156</b>	<b>125.689.704.022</b>
- Doanh thu Thủy lợi phí và bán nước thô	63.724.969.600	60.612.519.800
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	84.907.065.556	65.077.184.222
<b>Giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>2.137.273</b>
- Giảm giá các công trình	-	2.137.273
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>148.632.035.156</b>	<b>125.687.566.749</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Giá vốn bán nước thô và cấp Thủy lợi phí	62.039.432.513	57.922.725.582
- Giá vốn hoạt động xây lắp	84.012.537.476	64.208.068.939
<b>Cộng</b>	<b>146.051.969.989</b>	<b>122.130.794.521</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.306.301.285	332.534.894
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.000.000.000	800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.306.301.285</b>	<b>1.132.534.894</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí lãi vay	203.474.400	-
<b>Cộng</b>	<b>203.474.400</b>	<b>-</b>

**23. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	59.290.909
- Thu bán hồ sơ mời thầu	16.363.636	12.727.273
- Thu cho thuê văn phòng	16.363.636	16.363.636
<b>Cộng</b>	<b>32.727.272</b>	<b>88.381.818</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	72.548.547	72.548.546
- Chi nộp phạt	64.581.251	31.644.115
- Tiền truy thu thuế TNDN, thuế GTGT năm 2013,2014	-	73.638.400
	<u>137.129.798</u>	<u>177.831.061</u>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<u>3.822.047.940</u>	<u>3.946.245.566</u>
<b>Các khoản chi phí không được trừ</b>	<b>64.581.251</b>	<b>379.287.111</b>
- Tiền phạt hành chính thuế, BHXH	64.581.251	379.287.111
<b>Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>3.430.954.597</b>
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.000.000.000	800.000.000
- Thu nhập không chịu thuế	-	2.630.954.597
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>2.886.629.191</b>	<b>894.578.080</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<u>577.325.838</u>	<u>178.915.616</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.10.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.704.116.343	12.526.503.634
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.306.197.310	27.746.406.015
Đầu tư dài hạn	4.240.000.000	4.240.000.000
	<b>141.250.313.653</b>	<b>44.512.909.649</b>
<b>Cộng</b>		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	30.303.632.752	32.789.687.969
Chi phí phải trả	10.708.993.838	12.086.087.932
	<b>41.012.626.590</b>	<b>44.875.775.901</b>
<b>Cộng</b>		
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>100.237.687.063</b>	<b>(362.866.252)</b>

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Rủi ro tỷ giá**

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

**Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro về giá**

Công ty không chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn do Công ty không có các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trọng hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	30.303.632.752	-	30.303.632.752
Chi phí phải trả	10.708.993.838	-	10.708.993.838
<b>Cộng</b>	<b>41.012.626.590</b>	<b>-</b>	<b>41.012.626.590</b>
<b>01/01/2017</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	32.789.687.969	-	32.789.687.969
Chi phí phải trả	12.086.087.932	-	12.086.087.932
<b>Cộng</b>	<b>44.875.775.901</b>	<b>-</b>	<b>44.875.775.901</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi.

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.704.116.343	-	29.704.116.343
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	65.000.000.000	-	65.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	42.306.197.310	-	42.306.197.310
Đầu tư dài hạn	-	4.240.000.000	4.240.000.000
<b>Cộng</b>	<b>137.010.313.653</b>	<b>4.240.000.000</b>	<b>141.250.313.653</b>
<b>01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.526.503.634	-	12.526.503.634
Phải thu khách hàng và phải thu khác	27.746.406.015	-	27.746.406.015
Đầu tư dài hạn	-	4.240.000.000	4.240.000.000
<b>Cộng</b>	<b>40.272.909.649</b>	<b>4.240.000.000</b>	<b>44.512.909.649</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**27. THÔNG TIN SO SÁNH**

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi An Hải đã được kiểm toán, sau đó tiếp tục được điều chỉnh bổ sung theo văn bản số 9230/UBND-TC ngày 27/12/2017 của UBND TP Hải Phòng phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2016 của Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng.



**Trần Quang Hoạt**  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 03 năm 2018

**Phùng Thị Chinh**  
Kế toán trưởng

**Phùng Thị Chinh**  
Người lập biểu